TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2017/DS-ST
Ngày: 08/8/2017
V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đào Đức Luân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Hoàng Minh Châu**

2. Bà **Chung Kim Sang**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 114/2017/TLST-DS, ngày 04 tháng 7 năm 2017 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2017/QĐXX-ST, ngày 27 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Q (Ngọc Diễm)**, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Số 31/8, đường Ngô Văn Sở, KP. 6, P. H, TP. G, Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà **Đinh Ngọc L (Đây)**, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Số 199. Đường D, KP. 6, P. H, TP. G, Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Huỳnh Thanh T**, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 199. Đường D, KP. 6, P. H, TP. G, Kiên Giang.

Ông T ủy quyền tham gia vụ án cho bà Đinh Ngọc L theo giấy ủy quyền lập ngày 24/7/2017. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2016 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Vào năm 2010, bà hành nghề mua bán cá phân, vợ chồng ông T và bà L có ghe cào chuyên đánh bắt hải sản nên thường bán cá phân cho bà. Do có mối quan hệ làm ăn nên vào năm 2010, bà L có vay bà nhiều lần với tổng số tiền là 85.000.000 đồng, tuy bà L là người trực tiếp vay tiền nhưng chồng bà L là ông T cũng có biết nên sau khi vợ chồng bà L, ông T bán ghe cào thì ông T đồng ý đưa cho bà L số tiền 20.000.000 đồng để trả cho bà, còn nợ lại bà số tiền 65.000.000 đồng, bà L có làm biên nhận nợ và hứa sẽ trả từ từ số tiền còn nợ lại cho bà. Mặc dù bà L có tài sản là nhà, xưởng tiện kinh doanh và có đầy đủ khả năng trả nợ nhưng từ khi viết biên nhận nợ cho đến nay, bà L vẫn không trả cho bà khoản tiền nào, bà đã nhiều lần đến nhà bà L yêu cầu trả nợ nhưng bà L cố tình né tránh, lánh mặt.

Nay bà Q yêu cầu bà L và ông T cùng chịu trách nhiệm trả cho bà khoản nợ gốc với số tiền 65.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 01/7/2016 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Huỳnh Thanh T là bà Đinh Ngọc L trình bày: Bà và ông T bắt đầu tiến tới hôn nhân cách nay khoảng 31-32 năm (1985-1986), gia đình bà có phương tiện tàu cá (loại ghe cào đôi) chuyên hoạt động trên vùng biển để đánh bắt hải sản. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, bà có quen biết với bà Q, là người hành nghề mua bán cá phân do bà Q thường mua cá phân của bà. Thời gian làm ăn với nhau từ năm 2007 đến năm 2014, bà có vay bà Q nhiều lần tiền, bà không nhớ là vay bao nhiêu lần tiền, cụ thể số tiền vay của từng lần là bao nhiêu, bà chỉ xác định tổng số tiền bà đã vay bà Q là 85.000.000 đồng. Do trước khi vay tiền bà Q, vợ chồng bà có vay tiền tại ngân hàng, ngoài ra bà còn tự vay tiền của những người khác nên mục đích bà vay tiền của bà Q một phần là để đóng nợ lãi cho ngân hàng và một số người khác, một phần là để lo chi phí tiêu xài trong gia đình. Do điều kiện kinh doanh gặp khó khăn nên vào năm 2014, vợ chồng bà đã bán phương tiện tàu cá để khắc phục quá trình kinh doanh và bà có trả 20.000.000 đồng cho bà Q, số tiền còn lại bà xin bà Q cho bà trả dần. Đến khoảng cuối năm 2016, bà Q đến gặp bà để yêu cầu trả nợ, bà yêu cầu trong tết âm lịch năm 2017 sẽ trả trước 5.000.000 đồng, sau đó sẽ trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng bà Q không đồng ý và nói là sẽ khởi kiện bà tại Tòa án. Bà xác định chồng bà – ông Huỳnh Thanh T hoàn toàn không biết việc thỏa thuận vay tiền giữa bà và bà Q, khi bán

phương tiện tàu cá, bà có yêu cầu ông T đưa cho bà 20.000.000 đồng để trả nợ cho bà Q, lúc đó ông T không nói gì do ông T chỉ nghĩ là bà và bà Q thỏa thuận vay tiền với nhau thì giữa hai bên tự giải quyết.Sau khi trả cho bà Q số tiền 20.000.000 đồng thì đến ngày 01/7/2016 âm lịch, bà mới viết biên nhận nợ bà Q số tiền 65.000.000 đồng.

Nay bà không đồng ý đối với yêu cầu của bà Q về trách nhiệm trả nợ của ông T trong khoản nợ này, bà vay tiền của bà Q thì bà tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Q, bà thừa nhận hiện nay còn nợ bà Q số tiền 65.000.000 đồng nhưng do điều kiện kinh tế hiện nay đang gặp khó khăn nên bà không thể trả số tiền trên trong một lần theo yêu cầu của bà Q, bà chỉ có khả năng trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Q yêu cầu bị đơn – bà Đinh Ngọc L cùng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Huỳnh Thanh T thanh toán số tiền nợ vay gốc đã vi phạm nghĩa vụ là 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng). Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Q và vợ chồng bà Đinh Ngọc L, ông Huỳnh Thanh T là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về hợp đồng dân sự, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nơi cư trú tại TP. G, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. G, tỉnh Kiên Giang.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, kèm theo tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án là *biên nhận nợ* thể hiện nội dung: bà L thừa nhận còn nợ bà Q số tiền 65.000.000 đồng. Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn – bà L thừa nhận có nợ bà Q số tiền 65.000.000 đồng và có ký xác nhận nội dung thỏa thuận theo biên nhận nợ. Do đó,

Hội đồng xét xử xác định thỏa thuận giữa bà Q và bà L là hợp đồng vay không kỳ hạn theo quy định tại các Điều 471, 474, 477 Bộ luật dân sự năm 2005, bà L có vay tiền và nhận đủ số tiền 85.000.000 đồng của bà Q, đã trả được 20.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 65.000.000 đồng là sự thật.

[2] Xét trách nhiệm liên đới của vợ, chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện: bà Q cho rằng bà L là người trực tiếp vay tiền nhưng chồng bà L là ông T cũng có biết nên sau khi vợ chồng bà L, ông T bán ghe cào thì ông T đồng ý đưa cho bà L số tiền 20.000.000 đồng để trả cho bà, còn nợ lại 65.000.000 đồng nên bà yêu cầu bà L và ông T cùng liên đới trách nhiệm trả nợ cho bà. Mặt khác, bà L thừa nhận trước khi vay tiền bà Q, vợ chồng bà có vay tiền tại ngân hàng, ngoài ra bà còn tự vay tiền của những người khác nên mục đích bà vay tiền của bà Q một phần là để đóng nợ lãi cho ngân hàng và một số người khác, một phần là để lo chi phí tiêu xài trong gia đình. Do đó, căn cứ vào Điều 91, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 25 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Hội đồng xét xử thống nhất buộc vợ chồng bà L và ông T cùng liên đới trách nhiệm trả nợ cho bà Q số tiền 65.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: bà Q và bà L cùng xác định khi bà Q cho bà L vay nhiều lần với tổng số tiền 85.000.000 đồng thì các bên đều không có thỏa thuận tính lãi trên số tiền đã vay, thời gian lập biên nhận nợ là vào ngày 01/7/2016 âm lịch, do đó bà Q yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền nợ vay 65.000.000 đồng từ ngày 08/8/2016 dương lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay 08/8/2017. Theo chuyển đổi từ lịch âm sang lịch dương thì ngày 01/7/2016 âm lịch tức là ngày 03/8/2016 dương lịch nên yêu cầu này là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, cần được chấp nhận, căn cứ vào Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/12/2010 quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9% năm, do các bên không thỏa thuận lãi suất khi thực hiện hợp đồng vay nên Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, tức là 0,75%/tháng, thời điểm tính lãi từ ngày 8/8/2016 cho đến ngày 08/8/2017.

Số tiền lãi được xem xét cụ thể như sau: 65.000.000 đồng x (9%/12 tháng) x 12 tháng = 5.850.000 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Q, buộc bị đơn - bà Đinh Ngọc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Huỳnh Thanh T cùng liên đới trách nhiệm trả

cho nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Q khoản nợ gốc 65.000.000 đồng và nợ lãi 5.850.000 đồng, tổng cộng 70.850.000 đồng.

Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn – bà Đinh Ngọc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Huỳnh Thanh T phải chịu án phí là: 70.850.000 đồng x 5% = 3.542.500 đồng Xét đơn xin miễn giảm án phí của hộ gia đình bà L có xác nhận của Ủy Ban nhân dân phường H ngày 26/7/2017 về hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Căn cứ khoản 1 Điều 13, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH124 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử thống nhất miễn 50% án phí giá ngạch cho bà L và ông T, nên bà L và ông T phải nộp án phí sau khi miễn, giảm là: 3.542.500 x 50% = 1.771.250 đồng.

- Hoàn trả cho nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Q toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 1.625.000 đồng (một triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007428, ngày 23/6/2017.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 305, 471, 474 và 477 Bộ luật Dân sự 2005;

- Áp dụng Điều 25 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng khoản 1 Điều 13, Điều 15, khoản 6 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH124 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Q về việc "Tranh chấp hợp về đồng dân sự vay tài sản" đối với bị đơn – bà Đinh Ngọc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Huỳnh Thanh T.

2. Buộc bị đơn – bà Đinh Ngọc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Huỳnh Thanh T cùng liên đới trách nhiệm trả nợ cho bà Q số tiền 70.850.000 đồng đồng.

3. Về án phí:

- Buộc bị đơn – bà Đinh Ngọc L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Huỳnh Thanh T phải chịu án phí là: 1.771.250 đồng (Một triệu, bảy trăm bảy mươi mốt nghìn đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Q toàn bộ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 1.625.000 đồng (một triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố G theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007428, ngày 23/6/2017.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. G;
- Chi cục THA dân sự TP. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân

khoản 6 Điều 19, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH124 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hoàng Minh Châu **Chung Kim Sang** **Đào Đức Luân**